

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-01-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 223/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A; nơi cư trú: Thôn 9, xã T, huyện U, thành phố X; vắng mặt;
- *Bị đơn:* Anh B; nơi cư trú: 436 Bongjeong-ri, Seikseong-myeon, Buyeo-gun, Chungcheongnam-do, Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A trình bày:
Chị Nguyễn Thị A và anh B quen biết nhau qua Công ty môi giới kết hôn, đến ngày 15/7/2019, anh chị gặp nhau và nảy sinh tình cảm. Sau đó, anh chị đã làm lễ đính hôn tại nhà vườn 66 Tân Dương, thủy Nguyên, Hải Phòng và đi du lịch Hạ Long với nhau. Anh Junho đã về ra mắt gia đình chị và được sự đồng ý của gia đình chị. Chị và anh B đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên vào ngày 29 tháng 10 năm 2019. Sau khi kết hôn, anh B trở về Hàn Quốc sinh sống và làm giấy tờ thủ tục để đón chị A sang đoàn

tụ. Tuy nhiên, vợ chồng chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh B keo kiệt, tính toán, không gửi tiền ăn học về cho chị. Do vậy, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm ngày càng phai nhạt. Chị từ bỏ việc học tiếng Hàn để sang đoàn tụ cùng anh B. Từ đó đến nay, vợ chồng chị không liên lạc và có quan hệ tình cảm lẫn lộn kinh tế với nhau nữa. Nay chị Thủy khẳng định đã không còn tình cảm với anh B, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin ly hôn (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), bị đơn là anh B trình bày như sau:

Anh thống nhất với chị A về quá trình kết hôn giữa hai anh chị. Sau khi kết hôn, anh trở lại Hàn Quốc sinh sống, làm việc và làm thủ tục đón chị A sang đoàn tụ. Trong thời gian đó, chị A ở Việt Nam học tiếng Hàn Quốc. Tuy nhiên chị A chưa làm visa thì vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn. Chị A hay đòi anh gửi tiền ăn học, mỗi lần nói chuyện chị A thường quát mắng đòi bỏ anh, không muốn sang đoàn tụ cùng anh. Kể từ đó, anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Tháng 7 năm 2021, anh đã gọi điện về cho chị A đồng ý ly hôn. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị A không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị A không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn anh B hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A, bị đơn là anh B vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị A, anh B theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên vào ngày 29 tháng 10 năm 2019 là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ vào lời khai của chị Thủy và anh B, nhận thấy tình cảm giữa hai anh chị không còn, vợ chồng đã ly thân trong thời gian

dài, không có tiếng nói chung và không còn liên quan đến nhau về mặt tình cảm lẫn kinh tế nên đã quyết định ly hôn với nhau. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, anh chị không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A và anh B.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo chị Nguyễn Thị A và anh B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh B.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000225 ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đặng Hồ Diệp

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Nguyễn Thành Biên Vũ Thị Minh
 Nguyệt**

Đặng Hồ Diệp